

TỔNG QUAN VỀ TIẾNG HOA CỦA NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• TS. Hoàng Quốc (*)

Tóm tắt

Bài viết miêu tả sơ lược về phương ngữ Hán có liên quan đến khái niệm tiếng Hoa của người Hoa ở Đồng bằng sông Cửu Long, tìm hiểu người Hoa ở đây sử dụng tiếng Hoa phương ngữ - tiếng mẹ đẻ trong những bối cảnh nào, với mức độ nào trong giao tiếp hàng ngày, từ đó chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực tiếng mẹ của họ và cố gắng tìm lý do giải thích cho hiện tượng này.

Từ khoá: Đồng bằng sông Cửu Long, người Hoa, phương ngữ, tiếng Hoa.

1. Dẫn nhập

Do những biến cố chính trị, kinh tế, xã hội tại Trung Quốc, người Hoa từ các tỉnh duyên hải miền Nam Trung Quốc có các đợt di cư vào miền Nam Việt Nam khá sớm, ít nhất là vào đầu thế kỷ XVII và kéo dài cho đến khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.

Quá trình di dân của vào miền Nam Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng nổi lên người Hoa những đặc điểm sau: *Một là*, người Hoa di cư đến ĐBSCL liên tục trong nhiều thế kỷ - đặc biệt từ cuối thế kỷ XVII cho đến những năm đầu thế kỷ XX, đây cũng là một lực lượng khá quan trọng cùng với người Việt, người Khmer và người Chăm khai khẩn vùng ĐBSCL; *Hai là*, cộng đồng người Hoa đến định cư tại ĐBSCL đã vào Việt Nam theo hai hướng: một từ Trung Quốc vào thẳng Việt Nam và một từ Campuchia sang định cư tại Việt Nam (vì tị nạn chính trị, tuy nhiên, nhóm này không nhiều, định cư tại xã Văn Giáo, Xuân Tô huyện

Tịnh Biên và một số ít tại huyện Tri Tôn (An Giang) từ năm 1979); *Ba là*, người Hoa di cư sang ĐBSCL chủ yếu từ hai tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến. Theo đó, tiếng Hoa của người Hoa là tiếng Hoa phương ngữ như: tiếng Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Hẹ.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, dân số người Hoa ở Việt Nam có 823.071 người (giảm so với số liệu thống kê năm 1999 là 39.300 người), phân bố khắp các tỉnh, thành phố của Việt Nam, nhưng phần lớn tập trung tại Nam Bộ và đông nhất là tại thành phố Hồ Chí Minh (414.045 người, chiếm tỉ lệ 50,3%), Đồng Nai 95.162 người, Bình Dương (18.783 người), Bà Rịa – Vũng Tàu (10.042 người), Bình Phước (9.770 người), Tây Ninh (2.495 người), phần còn lại (gồm 177.178 người) phân bố ở các tỉnh, thành phố của ĐBSCL. Xin được cụ thể hoá bằng số liệu trên sự phân bố cư dân của dân tộc Hoa ở các tỉnh, thành phố có dân tộc Hoa sinh sống như sau:

Bảng 1. Dân số người Hoa ở các tỉnh, thành của ĐBSCL

Tỉnh/thành phố	Tổng số dân (người)	Dân số người Hoa	Tỉ lệ (%)
Long An	1.436.066	2.690	0,19
Tiền Giang	1.672.271	3.863	0,23
Bến Tre	1.255.946	3.811	0,30
Trà Vinh	1.003.012	7.690	0,76
Vĩnh Long	1.024.707	4.879	0,47
Đồng Tháp	1.666.467	1.855	0,11
An Giang	2.142.709	8.075	0,37
Kiên Giang	1.688.248	29.850	1,76

(*) Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang.

Cần Thơ	1.188.435	14.199	1,19
Hậu Giang	757.300	6.363	0,84
Sóc Trăng	1.292.853	64.910	5,02
Bạc Liêu	856.518	20.082	2,34
Cà Mau	1.206.938	8.911	0,73

Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 01/04/2009

Cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL cư trú xen kẽ với người Việt, người Khmer và người Chăm. Sự giao lưu và tiếp xúc văn hoá, ngôn ngữ giữa các dân tộc (Kinh, Khmer, Hoa và Chăm) ở đây đã tạo nên những giao thoa về văn hoá và ngôn ngữ. Vì vậy, hiện tượng song/đa ngữ và đa văn hoá trong một dân tộc ở cùng một địa phương vẫn còn đang tồn tại trong xã hội hiện nay.

2. Một số vấn đề về tiếng Hoa của cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL

2.1. Khái quát về tiếng Hoa ở ĐBSCL

Người Hoa di cư sang miền Nam Việt Nam từ các tỉnh duyên hải miền Nam của Trung Quốc và theo đó là các phương ngữ Hán miền Nam Trung Quốc xuất hiện tại miền Nam Việt Nam. Các phương ngữ Hán này thuộc 3 trong số 7 phương ngữ của tiếng Hán (theo cách phân loại truyền thống), đó là: phương ngữ Việt (tiếng Quảng Đông), phương ngữ Mân (tiếng Triều Châu, tiếng Phúc Kiến và tiếng Hải Nam) và phương ngữ Khách Gia (tiếng Hẹ hay Hakka). Vì thế, trước khi giới thiệu tổng quan về tiếng Hoa của người Hoa ở ĐBSCL, chúng tôi miêu tả sơ lược về phương ngữ Hán là điều cần thiết.

2.1.1. Vài nét về phương ngữ Hán

Tình hình phương ngữ ở tiếng Hán khác xa với phương ngữ của các ngôn ngữ khác (ví dụ như tiếng Việt). Theo ngôn ngữ học cấu trúc, giữa các phương ngữ của một ngôn ngữ tuy có khác nhau, nhưng giữa những người nói các phương ngữ khác nhau vẫn có thể giao tiếp được. Còn trong tiếng Hán, các phương ngữ khác nhau đến mức giữa những người nói phương ngữ khác nhau không thể hiểu được nhau (trong tiếng Hán gọi là hiện tượng “không thông thạo”). Mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn gọi đây là phương ngữ. Đây chính là tác động của nhân tố xã hội - chính trị đến ngôn ngữ - vấn đề mà ngôn ngữ học xã hội quan tâm.

Phương ngữ của tiếng Hán rất phức tạp,

chúng khác nhau rất xa đến mức giữa những người nói các phương ngữ khác nhau không thể giao tiếp với nhau được. Mặc dù vậy, đặc điểm chung của tiếng Hán là “thống nhất trong đa dạng”.

- Tính thống nhất trong sử dụng ngôn ngữ có thể coi là sự tiếp nối truyền thống mà bắt đầu từ thời Tần với sự ra đời của quốc gia trung ương tập quyền “đại thống nhất”. Sở dĩ gọi là thống nhất vì người nói tiếng Hán - ngôn ngữ quốc gia chiếm tới 95%. Trong 7 phương ngữ của tiếng Hán thì phương ngữ miền Bắc (Bắc phương ngữ) phân bố rất rộng, từ Nam Kinh của Giang Tô đến Ô Lỗ Mộc Tề của Tân Cương; từ Côn Minh của Vân Nam đến Cáp Nhĩ Tân của Hắc Long Giang. Mặc dù cách xa về địa lý nhưng tính thống nhất rất cao, bởi giữa những người nói cùng một phương ngữ này vẫn có thể giao tiếp với nhau được. Tiếng Hán phổ thông là ngôn ngữ thông dụng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá của toàn Trung Quốc, là một trong những ngôn ngữ làm việc của Liên hiệp quốc. Tiếng Hán phổ thông hay quan thoại còn là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu giữa các dân tộc thuộc các vùng khác nhau ở Trung Quốc.

- Tính đa dạng của tiếng Hán thể hiện hai điểm chính: Bên cạnh tiếng Hán - tiếng phổ thông (普通话) là ngôn ngữ quốc gia, thì các phương ngữ vẫn được sử dụng ở từng địa phương. Ngay cả các phương ngữ của tiếng Hán ở phía Nam cũng có sự khác biệt rất lớn, đến mức giữa những người nói các phương ngữ khác nhau thì không thể giao tiếp với nhau được nhưng vẫn được tôn trọng và vẫn xem là phương ngữ của tiếng Hán. Bởi, nếu theo lý thuyết thông thường thì các phương ngữ của một ngôn ngữ phải hiểu được.

2.1.2. Phân loại phương ngữ trong tiếng Hán

- Cách phân loại truyền thống: Vào tháng 10 năm 1955 Hội nghị học thuật về vấn đề quy phạm tiếng Hán hiện đại đã nhất trí coi tiếng Hán có 7 phương ngữ: phương ngữ miền Bắc (Bắc phương

phương ngôn); phương ngữ Ngô (Ngô phương ngôn); phương ngữ Tương (Tương phương ngôn); phương ngữ Cán (Cán phương ngôn); phương ngữ Khách Gia (Khách Gia phương ngôn); phương ngữ Mân (Mân phương ngôn); phương ngữ Việt (Việt phương ngôn) [4, tr. 5].

- *Cách phân loại gần đây*: Vào những năm 80 của thế kỉ XX, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc đã phân phương ngữ tiếng Hán làm 10 vùng (vực): vùng quan thoại; vùng Tấn ngữ; vùng Ngô ngữ; vùng Huy ngữ; vùng Cán ngữ; vùng Tương ngữ; vùng Mân ngữ; vùng Việt ngữ; vùng Bình thoại; vùng Khách Gia thoại [5, tr. 559].

Như vậy, các tiếng địa phương của các nhóm người Hoa ở Nam Bộ nói chung và ở ĐBSCL nói riêng thuộc ba phương ngữ của tiếng Hán, đó là: phương ngữ Việt, phương ngữ Khách Gia và phương ngữ Mân Nam (theo cách phân loại truyền thống) hay thuộc vùng Mân ngữ, vùng Việt ngữ và vùng Khách Gia thoại (theo cách phân loại gần đây). Dưới đây là miêu tả 3 phương ngữ Hán có liên quan đến tiếng Hoa của người Hoa ở ĐBSCL.

- Phương ngữ Việt: phân bố tại các tỉnh Quảng Đông (trừ phía Đông và Đông bắc), Quảng Tây (phía Đông và Đông nam), Hồng Kông, Ma Cao. Số người Hán sử dụng phương ngữ Việt chiếm 3,9% [4, tr. 9].

- Phương ngữ Khách Gia (Hakka): Còn có tên gọi khác là “ma giới thoại” phân bố ở các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Giang Tây, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Hải Nam và vùng lãnh thổ Đài Loan. Phương ngữ Khách Gia chiếm 3,6% số người Hán sử dụng [4, tr. 6].

- Phương ngữ Mân: Phân bố tại miền Nam tỉnh Phúc Kiến, miền Đông tỉnh Quảng Đông, một phần của đảo Hải Nam và phần lớn vùng lãnh thổ Đài Loan. Số người Hán sử dụng phương ngữ này chiếm khoảng 5,7%. Căn cứ vào sự khác nhau về mặt ngữ âm, các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc lại chia phương ngữ Mân thành 5 phương ngữ nhỏ, đó là: phương ngữ Mân Đông, Mân Nam, Mân Bắc, Mân Trung và Bồ Tiên [4, tr. 6].

Phương ngữ Việt, phương ngữ Mân, phương ngữ Khách Gia được rất nhiều người Hoa ở hải ngoại sử dụng, trong đó có người Hoa ở Nam Bộ Việt Nam.

Tuy ba phương ngữ trên đây đều là phương ngữ Hán nhưng giữa những người nói các phương ngữ này lại không hiểu được nhau, thậm chí những người nói các tiếng địa phương thuộc cùng một phương ngữ cũng không hiểu được nhau.

2.2. Biến thể của phương ngữ Hán trong cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL

Phần lớn những người nhập cư từ Trung Hoa vào Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng đều là dân ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc, tập trung nhiều nhất ở hai tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Ở hai tỉnh này, tình hình tiếng nói cũng rất phức tạp, vì trong mỗi phương ngữ trên lại có thể chia thành các nhóm phương ngữ nhỏ hơn và giữa các nhóm nhỏ phương ngữ cũng khác nhau đến mức không thể giao tiếp với nhau được (không thông thoại). Tình hình này được phản ánh ở thực tế ngôn ngữ của các nhóm người Hoa ở ĐBSCL hiện nay.

Tiếng Hoa được phân chia theo nhóm địa phương (Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Hẹ) là tiếng Quảng Đông (phương ngữ Việt), tiếng Triều Châu, tiếng Hải Nam, tiếng Phúc Kiến (thuộc nhóm phương ngữ Mân Nam) và tiếng Hẹ hay Hakka (phương ngữ Khách gia). Trong đó, người Hoa Triều Châu có số lượng nhiều nhất với trên 60% tổng số người Hoa cư trú (tại Sóc Trăng, Kiên Giang và Bạc Liêu) ở ĐBSCL, tiếng Hoa Triều Châu được dùng phổ biến trong đời sống ngôn ngữ của cộng đồng người Hoa.

Ví dụ như, ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, nơi có nhiều người Hoa Triều Châu sinh sống, thì tiếng mẹ đẻ được sử dụng thường xuyên trong đời sống hơn là tiếng Việt và tiếng Khmer. Chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng phương pháp chọn mẫu theo hình thức cư trú của người Hoa (tập trung, đan xen với các dân tộc Kinh, Khmer), kết hợp với quan sát và phỏng vấn sâu vào tháng 12/2012, với tổng số 332 cộng tác viên người Hoa (độ tuổi từ 20 đến 70 tuổi) đang sinh sống tại huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả khảo sát cho thấy, 100% người Hoa tại địa bàn khảo sát đều sử dụng tiếng Hoa Triều Châu trong phạm vi gia đình và trong nội bộ cộng đồng phổ biến hơn cả tiếng Việt và tiếng Khmer, cho dù đa số người Hoa ở đây ai cũng nói thạo tiếng Việt và tiếng Khmer. Nhìn chung, khả năng

nghe - nói tiếng mẹ đẻ của người Hoa ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) rất cao, cao hơn người Hoa ở các tỉnh, thành khác của ĐBSCL là nhờ dân số người Hoa ở đây đông, cư trú tương đối tập trung và đều là người Hoa Triều Châu. Đây cũng là một lợi thế rất lớn để tiếng Hoa phương ngữ (tiếng Triều Châu) duy trì và phát huy chức năng giao tiếp trong phạm vi gia đình và trong nội bộ cộng đồng.

Chúng tôi tiến hành khảo sát trên 212 cộng tác viên người Hoa (độ tuổi 20 - 70) sinh sống tại ở thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào tháng 11/2012 cũng cho kết quả tương tự, tỉ lệ người Hoa ở Kiên Giang còn dùng tiếng Hoa để giao tiếp trong gia đình cũng tương đối cao (so với người Hoa ở các tỉnh, thành khác ở ĐBSCL). Cụ thể là có đến 61,4% dùng tiếng Hoa để giao tiếp với ông bà; 51,2% với bố mẹ; 8,3% với con; và 6,2% với cháu. Sử dụng đan xen cả tiếng Việt và tiếng Hoa với ông bà là 19,5%; 22,0% với bố mẹ; 28,8% với con và 16,9% với cháu. Trong lúc đó, tỉ lệ dùng tiếng Việt để giao tiếp giữa các thế hệ trong gia đình theo chiều hướng ngược lại. Tư liệu điều tra cho thấy, khi giao tiếp với ông bà chỉ có 19,5% dùng tiếng Việt nhưng tỉ lệ này tăng dần khi giao tiếp với bố mẹ, con, cháu (26,8% với bố mẹ; 62,9% với con và 76,9% với cháu). Như vậy có thể rút ra nhận xét là, năng lực tiếng mẹ đẻ của thế hệ càng lớn tuổi càng tốt và ngược lại thế hệ càng trẻ thì năng lực tiếng Hoa càng yếu dần nhưng bù lại năng lực tiếng Việt tốt hơn thế hệ lớn tuổi, theo đó tỉ lệ người Hoa trẻ tuổi dùng tiếng Việt trong phạm vi gia đình có chiều hướng tăng cao. Điều này cũng dễ hiểu, tiếng Hoa (tiếng mẹ đẻ) của người Hoa ở ĐBSCL nói chung và ở Kiên Giang nói riêng là tiếng Hoa phương ngữ, tiếng nói không được giảng dạy tại các trường học hay trung tâm Hoa ngữ từ năm 1975 trở lại đây mà chỉ học được qua giao tiếp với các thành viên trong gia đình và thường là thế hệ trước truyền dạy cho thế hệ sau.

Kết quả điều tra của chúng tôi trên tổng số 316 người Hoa (độ tuổi từ 20 - 70) sinh sống tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cũng cho thấy, gần 100% người Hoa ở thành phố Bạc Liêu biết tiếng mẹ đẻ nhưng do khả năng “biết” tiếng mẹ đẻ của các thế hệ trong gia đình không như nhau nên mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ giữa các thế hệ

trong gia đình cũng khác nhau. Tính bình quân, tỉ lệ dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp hàng ngày giữa các thế hệ trong gia đình là khoảng 45,0%. Trong đó, những người ở lứa tuổi trung niên trở lên dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với ông bà chiếm tỉ lệ cao nhất (149/151 người, chiếm 98,7%) và tỉ lệ này giảm dần khi giao tiếp với bố mẹ, con, cháu. Cụ thể: 120/151 người, chiếm 79,5% giao tiếp với bố mẹ bằng tiếng mẹ đẻ; 50/151 người, chiếm 31,1% khi giao tiếp với con và 15/151 người, chiếm 9,94% giao tiếp với cháu nhưng trong câu nói tiếng Hoa “trộn” nhiều yếu tố tiếng Việt. Ngược lại, lứa tuổi trung niên trở xuống nói tiếng mẹ đẻ với ông bà, bố mẹ, con cái giảm nhiều (trung bình khoảng 35,2%) và thay vào đó là tiếng Việt.

Trong giao tiếp hành chính, hầu hết người Hoa ở Sóc Trăng, Kiên Giang và Bạc Liêu đều dùng tiếng Việt để khi giao tiếp tại công sở nhà nước, do năng lực tiếng Việt của người Hoa rất tốt, tốt hơn tiếng mẹ đẻ nhiều. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì từ trước đến nay không có người Hoa nào dùng tiếng Hoa với tư cách là tiếng mẹ đẻ để phát biểu chính thức trong các cuộc họp ở các cấp chính quyền hay trong các phiên tòa. Như vậy, trong lĩnh vực giao tiếp hành chính, tiếng Việt chiếm vị trí độc tôn, tiếng Việt thực hiện đúng vai trò là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc. Tiếng Việt được cộng đồng người Hoa đánh giá là quan trọng nhất, cần thiết nhất và cũng là ngôn ngữ mà họ thành thạo nhất. Trong giao tiếp bất quy thức như trao đổi riêng trong các cuộc họp ở các cấp chính quyền, gặp nhau trên đường, mua bán nơi lễ hội hay trong các cuộc họp cộng đồng (hội đồng hương, hội tín ngưỡng, hội tương tế) thì họ nói tiếng Hoa phương ngữ để thắt chặt thêm tình đồng hương, nối kết cộng đồng. Tuy nhiên, việc sử dụng tiếng Hoa để giao tiếp với người cùng dân tộc trong các trường hợp trên cũng chỉ thấy ở những người có độ tuổi trung niên trở lên.

Ngược lại, những nơi dân số người Hoa ít, cư trú phân tán, xen kẽ với người Việt, người Khmer như một số quận, huyện của thành phố Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp,... thì việc sử dụng tiếng mẹ đẻ không được phổ biến, thường xuyên, thậm chí họ gần như quên hẳn tiếng mẹ đẻ và chỉ sử dụng tiếng Việt trong mọi phạm vi giao tiếp.

Theo kết quả điều tra, nghiên cứu của chúng tôi về tình hình sử dụng ngôn ngữ của 1.071 người Hoa ở các địa bàn của tỉnh An Giang năm 2009, tính bình quân, tần số sử dụng tiếng Hoa trong phạm vi giao tiếp gia đình chưa đến 20%; còn tiếng Việt là khoảng 70%; chuyển mã, trộn mã giữa tiếng Việt - tiếng Hoa và tiếng Hoa - tiếng Việt là 6,0%; tiếng Khmer 4,0%. Khi giao tiếp ngoài xã hội thì họ đều sử dụng tiếng Việt. Số liệu điều tra cho thấy, có đến 86,4% người Hoa ở An Giang được hỏi cho rằng, họ thành thạo tiếng Việt. Có thể nói, người Hoa từ lâu đã xem Việt Nam là quê hương và tiếng Việt cũng dần dần thay thế địa vị tiếng Hoa, kể cả trong thực tế cũng như trong nhận thức của người Hoa nơi đây. Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp chính và quan trọng nhất đối với cộng đồng người Hoa, còn tiếng Hoa phương ngữ với tư cách là tiếng mẹ đẻ dường như đang có xu hướng mai một theo thời gian. Có nhiều lí do để giải thích hiện tượng “mai một tiếng mẹ đẻ” của họ, nhưng theo chúng tôi, nguyên nhân nổi lên là: cùng cộng đồng người Hoa, tiếng mẹ đẻ của họ đều là các phương ngữ của cùng một ngôn ngữ Hán nhưng lại tồn tại hiện tượng không “thông thạo” giữa các nhóm cộng đồng nhánh này, khó khăn này đã làm cho điều

kiện sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Hoa vốn đã hẹp lại càng hẹp hơn; đồng thời, hình thức cư trú đan xen giữa người Hoa với Kinh, Khmer, Chăm đã đưa họ đến với việc sử dụng ngôn ngữ chung là tiếng Việt.

Nhìn chung, cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL đã quen với việc sử dụng tiếng Việt và quên dần tiếng Hoa phương ngữ. Một trong những nguyên nhân khiến cho tiếng Hoa của người Hoa mai một, là người Hoa đến Việt Nam từ các địa phương miền Nam Trung Quốc, vì thế tiếng Hoa của người Hoa là tiếng Hoa phương ngữ. Giữa các phương ngữ Hán, nhất là phương ngữ Hán miền Nam Trung Quốc rất khác nhau làm cho các từ Hán phương ngữ được Việt hoá khác nhau. Sự khác biệt giữa các tiếng địa phương (Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Hẹ) này đã được phản ánh bằng sự “Việt hoá” khác nhau trong từ vựng. Rất tiếc là trong số những người Hải Nam được hỏi (tại An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang), không có người nào trong số này biết đọc bảng từ mà chúng tôi yêu cầu. Có thể hình dung về sự khác nhau về mặt ngữ âm giữa các tiếng địa phương của người Hoa qua một số ví dụ dưới đây:

Bảng 2. Bảng từ đối chiếu tiếng Hoa phương ngữ đã được Việt hóa qua cách đọc của người Hoa ở ĐBSCL

Tiếng Việt	Tiếng Hoa phương ngữ Việt hóa					
	Quảng Đông	Phúc Kiến	Triều Châu	Hẹ	Âm Hán hiện đại	Chữ Hán
Cá biển	huŋ ² t'am ⁵ zie ³	hai ⁵ hw ⁴	hai ⁴ hwɔ ⁵	hoi ¹ ɣen ⁴	hải yú	海鱼
Cá đồng	kek ⁵ t'ien ² zie ³	ɣan ⁴ hw ⁴	xoi ¹ hwɔ ⁵	t'un ¹	dàn shuǐ yú	淡水鱼
Bún	bun ⁵	bi ⁵ bun ¹	bi ⁴ hun ⁵	ɣui ² fun ²	mǐ fěn	米粉
Canh chua	t'ien ⁵ t'on ²	swŋ ¹ t'ɔ ⁵	swŋ ¹ hwɔ ⁵	ɣon ⁴ t'on ⁴	suān tāng	酸汤
Hủ tiếu	fɛ̃ŋ ⁴ mien ²	ko ¹ te ⁴	ku ⁴ te ⁵	mi ¹ fun ¹	hé fěn	河粉
Cơm trắng	bak ⁶ fan ²	be ⁶ bwŋ ²	be ⁵ bwŋ ¹	fan ¹	bái fàn	白饭
Móng heo	kap ⁵ kot ⁵ cuj ⁵	tw ⁵ xa ⁵ tɔi ⁴	ka ¹ ka ²	cu ⁴ cau ¹	zhū tí	猪蹄
Thịt ba rọi kho	lam ⁶ zuk ⁶ ɣɔ ¹	sɔ̃m ¹ tem ¹ ba ⁵ ɣɔ ¹	kuŋ ⁵ sa ¹ tien ² ba ⁶	ɣam ⁴ ɣen ² juk ⁶	bàn fèi ròu ròu shāo	半肥瘦肉 烧

Gà ác	hăk ⁵ kɔ̃ ⁵	zon ² koj ⁵	be ⁵ koj ¹	wu ³ kaj ⁴	niǎo gǔ jī	鸟骨鸡
Cà phê	ka ¹ fe ⁵	ko ¹ pi ⁵	kuo ¹ bie ⁵	ka ⁴ fu ⁴	kā fēi	咖啡
Sữa	ɲɔ̃ ² lai ⁶	zu ² den ⁵	zuo ² nie ³	nieu ² lai ³	niú nǎi	牛奶
Mì chính	mi ² ci ⁵	ʃit ⁶ mi ²	xɔ̃ ⁵ mi ²	muj ² cen ³	wèi jīng	味精
Thuốc lá	zien ⁵ la ²	hun ⁵ ki ⁵	hu ¹	zen ³ cai ¹	xiāng yān	香烟
Trà	sa ² ziep ⁶	te ⁴	te ⁵	ca ²	chá	茶
Rượu	cɔ̃ ⁴	ci ⁵	cieu ⁴	ci ¹ 3	jiǔ	酒
Bia	be ² cɔ̃ ⁴	bi ¹ ci ⁵	bi ⁵ ci ⁵	be ³ cui ¹	pí jiǔ	啤酒
Nước cam vắt	can ⁴ sɔ̃ ⁴	kam ¹ cui ⁵	ka ¹ cuoi ⁵	ʃan ² sɔ̃ ¹	gān zhī	柑汁

Thực tế sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL có những điểm đáng lưu ý: Người Triều Châu và người Phúc Kiến đều cho rằng, họ có thể nghe hiểu tiếng nói của nhau, vì ngữ âm tiếng Triều Châu gần giống với ngữ âm tiếng Phúc Kiến (cùng nhóm phương ngữ Môn Nam); Người nói tiếng Hải Nam thì không thể giao tiếp được với người nói tiếng Phúc Kiến hay Triều Châu, tuy cả ba tiếng địa phương này thuộc nhóm phương ngữ Môn Nam.

Vì những lí do trên, việc tiến hành giao tiếp giữa các nhóm địa phương của cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL gặp rất nhiều khó khăn. Đứng trước tình hình này, dù muốn hay không cộng đồng người Hoa cũng phải tìm đến một “ngôn ngữ mẹ đẻ” chung bên cạnh tiếng Việt. Họ đã đưa ra các giải pháp như:

- Sử dụng tiếng Triều Châu hoặc tiếng Quảng Đông (đối với những địa phương có đông người Triều Châu, người Quảng Đông cư trú) làm phương tiện giao tiếp chung giữa các nhóm người Hoa khi họp hội tương tế, hội đồng hương, hội tín ngưỡng.

- Một xu thế khác trong sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL hiện nay là dùng tiếng phổ thông Trung Quốc trong các cuộc họp cộng đồng và sau đó dịch sang tiếng Việt cho mọi người hiểu, không dùng tiếng mẹ đẻ (tiếng Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam, Hẹ). Tiếng Hoa phương ngữ chỉ có chức năng giao tiếp trong phạm vi hạn hẹp như gia đình và giữa những người cùng nhóm địa phương.

Tuy nói là sử dụng tiếng mẹ đẻ, nhưng đa phần người Hoa chỉ dừng lại ở hai kỹ năng nghe - nói. Số người thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết rất hạn hữu, chiếm chưa đến 10% trên tổng số người Hoa cư trú tại các tỉnh ĐBSCL. Nhưng cộng đồng người Hoa khác với cộng đồng người Việt, người Khmer, họ không chỉ nói thạo tiếng Việt mà người Hoa ở một số địa phương như huyện Vĩnh Châu (Sóc Trăng) hay người Hoa ở huyện Tịnh Biên, thành phố Châu Đốc (An Giang) và thị xã Hà Tiên (Kiên Giang),... còn có thể giao tiếp bằng tiếng Khmer với người Khmer tại địa bàn cộng cư ba dân tộc Kinh, Hoa, Khmer. Chính môi trường giao tiếp đa dạng này đã tạo nên một trạng thái song/đa ngữ khá phức tạp trong tiếp xúc ngôn ngữ và trong giáo dục song ngữ.

Năng lực tiếng Hoa (khẩu ngữ) của người Hoa không phụ thuộc vào địa bàn cư trú (thành thị hay nông thôn) mà phụ thuộc vào dân số người Hoa/số dân cư trú trên địa bàn và phụ thuộc vào sự phân bố dân số của từng nhóm địa phương/các nhóm địa phương người Hoa sinh sống trên cùng một địa bàn. Chẳng hạn như, ở Sóc Trăng, Kiên Giang và Bạc Liêu đa số người Hoa đều là người Hoa Triều Châu, tiếng mẹ đẻ của họ là tiếng Triều Châu nên việc giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ diễn ra thuận lợi hơn. Vì thế, tiếng mẹ đẻ của họ vẫn được bảo tồn và phát huy được chức năng giao tiếp trong phạm vi gia đình và cộng đồng cùng nhóm địa phương.

Người Hoa đến vùng ĐBSCL từ các hướng khác nhau với các nhóm địa phương khác nhau và theo đó là các tiếng địa phương khác nhau. Như đã biết, tiếng Hán là một ngôn ngữ có 7 phương ngữ (theo cách phân loại truyền thống) với đặc điểm nổi bật là, giữa tiếng Hán phổ thông với tiếng Hán phương ngữ và giữa các phương ngữ Hán (đặc biệt là các phương ngữ ở khu vực Đông Nam của Trung Quốc) có sự khác nhau rất xa đến mức không thể giao tiếp với nhau được. Lí do là vì phương ngữ này đã hình thành một cách tự nhiên các nhóm nhỏ trong cộng đồng dân tộc Hoa ở đây. Cùng với hàng loạt các lí do, lí do về ngôn ngữ đã tạo nên phong tục và thói quen riêng của mỗi nhóm nhỏ này, và do đó họ có ý thức về từng nhóm nhỏ của mình. Trải qua nhiều thăng trầm, qua các thế hệ, tiếng Hoa phương ngữ của người Hoa dường như đang mai một dần. Tình hình này được phản ánh ở thực tế ngôn ngữ của các nhóm người Hoa ở ĐBSCL hiện nay.

Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp chủ yếu của các dân tộc, phương tiện để tiếp thu những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc khác trong cả nước; tiếng Khmer được sử dụng trong phạm vi giao tiếp gia đình, cộng đồng, và được người Hoa ở một vài địa phương sử dụng; còn tiếng Hoa phương ngữ chỉ được sử dụng một phần trong phạm vi giao tiếp gia đình và trong nội bộ người Hoa cùng nhóm địa phương, rất có nguy cơ mai một. Nhìn chung, cộng đồng người Hoa ở ĐBSCL đã quen với việc sử dụng tiếng Việt và quên dần tiếng Hoa phương ngữ. Tiếng Việt được đánh giá là quan trọng hơn tiếng Hoa. Tiếng Hoa phương ngữ với tư cách là tiếng mẹ đẻ của họ dường như có xu hướng mai một và biến mất nếu không có biện pháp giáo dục hoặc khuyến khích sử dụng.

Về phương diện giáo dục tiếng Hoa, nhìn chung tại các thị xã, thành phố của mỗi tỉnh ở ĐBSCL đều có trung tâm Hoa ngữ dạy tiếng Hoa cho con em người Hoa (và cả các dân tộc khác). Một số tỉnh còn có trường (tiểu học, trung học cơ sở) song ngữ Việt - Hoa như ở huyện Vĩnh Châu, thành phố Sóc Trăng (Sóc Trăng), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long,... Nhưng chúng còn mang tính tự phát, chưa đồng bộ, đội ngũ giáo viên dạy tiếng Hoa thiếu về số lượng và yếu về chất lượng,

đa số giáo viên chưa được đào tạo bài bản. Việc giáo dục tiếng Hoa trong nhà trường cho con em người Hoa còn mong manh, chưa bền vững. Và đôi lúc sẽ trở thành một gánh nặng cho học sinh khi phải vật lộn với cả hai ngoại ngữ cùng một lúc. Tuy nhiên, theo chúng tôi, Nhà nước cần tạo điều kiện cho con em người Hoa học tiếng Hán phổ thông, tức là, đưa tiếng Hán phổ thông vào làm môn học tự chọn cho con em người Hoa (song song hoặc thay cho môn ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp như một số tỉnh, thành phố đang thực hiện) ở một số trường tiểu học, trung học cơ sở tại các địa phương có đông người Hoa sinh sống như Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Hà Tiên, Rạch Giá (Kiên Giang),... Việc này sẽ giúp cộng đồng người Hoa tại địa phương có thêm hứng thú đối với việc duy trì và bảo tồn tiếng nói, chữ viết và văn hoá của họ.

3. Kết luận

Người Hoa là một trong những dân tộc xuất hiện khá sớm ở ĐBSCL, cộng cư với dân tộc Kinh và các dân tộc khác, vì thế tiếng Việt đã sớm trở thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc ở đây và cũng là ngôn ngữ giao tiếp chung ngay chính trong nội bộ cộng đồng người Hoa. Tính bình quân, tỉ lệ người Hoa sử dụng tiếng Hoa phương ngữ trong phạm vi gia đình chưa đến 30%, còn tiếng Việt khoảng 60% và giao tiếp theo kiểu trộn mã giữa tiếng Việt và tiếng Hoa là 10%. Tỉ lệ người Hoa dùng tiếng Hoa phương ngữ để giao tiếp trong gia đình giảm dần theo lứa tuổi. Khi giao tiếp ngoài xã hội, hầu hết người Hoa sinh sống tại các tỉnh, thành của ĐBSCL đều dùng tiếng Việt vì ai cũng thành thạo tiếng Việt.

Quá trình tiếp xúc văn hoá giữa dân tộc Kinh, Hoa, Khmer diễn ra đồng thời với quá trình tiếp xúc ngôn ngữ. Do đó, các hiện tượng giao thoa ngôn ngữ, vay mượn ngôn ngữ và chuyển mã, trộn mã xảy ra trong giao tiếp của người Hoa. người Hoa có khuynh hướng trộn mã trong giao tiếp gia đình, chuyển mã trong giao tiếp cộng đồng. Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp cơ bản, còn tiếng Hoa phương ngữ như là một phương tiện bảo tồn đặc trưng văn hoá dân tộc. Đó cũng là bản sắc dân tộc của người Hoa ở ĐBSCL nói riêng và người Hoa ở Việt Nam nói chung.

Do tác động của hàng loạt các nhân tố ngôn ngữ và xã hội trong đó nổi lên là nhân tố về sự khác nhau giữa các phương ngữ Hán mà tiếng địa phương – tiếng mẹ đẻ của người Hoa ở ĐBSCL đang mất dần ở thế hệ hiện nay. Theo khảo sát thực tế cho thấy, thế hệ thanh, thiếu

niên người Hoa hiện nay (thuộc thế hệ thứ 7, thứ 8) hầu như giao tiếp đơn ngữ bằng tiếng Việt và thực sự họ không mấy mặn mà với tiếng Hoa phương ngữ. Trong khi đó, cũng vì nhiều lí do mà họ biết tiếng Hán phổ thông chưa nhiều./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phan An (2005), *Người Hoa ở Nam bộ*, NXB Khoa học Xã hội.
- [2]. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (6/2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, Hà Nội.
- [3]. Chen Yuan (1983), *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Tuyết Lâm (陈原 (1983), 社会语言学, 雪林出版社).
- [4]. Huang Bo Rong, Liao Xu Dong (1990) (chủ biên), *Hán ngữ hiện đại*, quyển thượng, NXB Cao đẳng Giáo dục, Bắc Kinh (黄伯荣, 廖序东 (主编) (1990), 现代汉语, 上册, 高等教育出版社, 北京).
- [5]. Huang Zi You (Chủ biên) (1996), *Giáo trình Ngôn ngữ học thực dụng*, NXB Đại học Khoa học kỹ thuật Thành Đô (黄自由 (主编) (1996), 实用语言学教程, 成都科技大学出版社).
- [6]. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7]. Hoàng Quốc (2009), *Những đặc trưng ngôn ngữ học xã hội của hiện tượng song ngữ tại An Giang (trên cơ sở liệu cảnh hướng song ngữ Việt – Hoa)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
- [8]. Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Thư viện Quốc gia Paris.

Summary

This paper describes the Han dialects that are related to the concept of Chinese dialects of Hoa/Chinese community in the Mekong River Delta it investigates in which domains and to what extent the Hoa people used the Chinese dialects their mother tongue, in their daily communication. Accordingly, the paper points out the negative impacts on their mother tongue competence in communication, and provides explanations for the case.

Key words: Mekong River Delta, Hoa community, dialect, Chinese.

Ngày nhận bài: 4/12/2014; ngày nhận đăng: 11/7/2014.